

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16- 4- 2024

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thiệu; Bà Nguyễn Thị Vân Anh.
- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hà Giang- Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn- Kiểm sát viên.
-Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Chị D T T, sinh năm 1993
Địa chỉ: xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh T .
- Bị đơn: Anh B V T, sinh năm 1987
Địa chỉ: khu 1, xã V , huyện L, tỉnh T
(*Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:
+ Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2023 và bản tự khai ngày 12/12/2023, nguyên đơn chị D T T trình bày: Chị và anh B V T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/11/2014, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh T. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã tự hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay chị Txác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

+ Tại bản tự khai ngày 12/12/2023, bị đơn anh B V T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị T trình bày. Vợ chồng đã tự hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị T xin ly hôn, anh T cũng nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Diễm Thư, sinh ngày 09/4/2015 và cháu Bùi Việt Anh, sinh ngày 29/6/2017. Hiện nay đang sống cùng với chị Tuyệt.

Quá trình giải quyết, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết, anh T xin được trực tiếp nuôi con chung là Bùi Thị Diễm Thư, để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Việt Anh. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Hai bên đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D T T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 70 và khoản 1, 2 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự.

Anh B V T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do là vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt của anh T và chị T là phù hợp với khoản 1, 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D T T và anh B V T.

- Về con chung: Giao cho chị D T T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Diễm Thư, sinh ngày 09/4/2015. Giao cho anh B V T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Việt Anh, sinh ngày 29/6/2017, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Tuyết, anh T đều được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị D T T, anh B V T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ T diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị D T T và anh B V T là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Bị đơn là anh T có nơi cư trú tại xã V, huyện L, tỉnh T. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về ý kiến và yêu cầu của đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D T T và anh B V T đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy: Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị T và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì địa phương không rõ. Nay chị T xin ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: “*Chị T và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/11/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm Đắng, xã L, huyện L, tỉnh T. Quá trình chung sống của vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì địa phương không rõ vì anh chị không yêu cầu chính quyền địa phương và khu dân cư hoà giải mâu thuẫn của vợ chồng. Hiện nay chị T và anh T đã sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật*”.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa chị T và anh T không còn tồn tại trên thực tế, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị T xin ly hôn, anh T đồng ý nên công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh T.

[2.2]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, còn anh T xin nuôi cháu Bùi Thị Diễm Thư, để chị T nuôi cháu Bùi Việt Anh. Cháu Bùi Thị Diễm Thư có ý kiến xin được ở với mẹ là chị D T T.

Xét thấy, chị T và anh T đều có công việc, có thu nhập, có nơi ở ổn định nên đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung là quyền, là nghĩa vụ và là trách nhiệm của của hai bên, Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ nhỏ, đảm bảo cho con chung của vợ chồng được chăm sóc tốt, không tạo áp lực kinh tế cho cả hai bên nên cần giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp. Do cháu Thư có ý kiến muốn được ở với chị Tuyết, hơn nữa cháu Thư còn nhỏ, là con gái cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu Bùi Thị Diễm Thư cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Việt Anh. Do mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Quá trình giải quyết chị T và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Tuyết, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D T T và anh B V T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị D T T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Diễm Thư, sinh ngày 09/4/2015. Giao cho anh B V T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Việt Anh, sinh ngày 29/6/2017, kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Tuyết, anh T đều được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị D T T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0006295 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh T. Trả lại cho chị T 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh B V T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao, nhận hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã L;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thảo

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thảo

Biên bản nghị án kết thúc hồi giờ phút ngày 16/8/2024. Đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử, nhất trí cùng ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thảo

